

Số: 1017/TB-CCTHADS

TP. Thanh Hóa, ngày 06 tháng 8 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản**

Căn cứ Thông báo số: 984/TB-CCTHADS ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Theo Thông báo: Thời gian tiếp nhận hồ sơ lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản: Bắt đầu từ ngày 01/8/2024 đến hết ngày 02/8/2024 (trong giờ hành chính).

Tính đến hết ngày 02/8/2024 có 02 đơn vị nộp hồ sơ đăng ký tham gia thẩm định giá, gồm:

1. Công ty TNHH Quản lý và khai thác tài sản AMC, địa chỉ: Số nhà 62 phố Trịnh Tùng, phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá Tây Nam Bộ-SIAC, địa chỉ: Số 64 Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ hồ sơ năng lực của Công ty TNHH Quản lý và khai thác tài sản AMC và Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá Tây Nam Bộ-SIAC, đối chiếu các tiêu chí quy định tại Phụ lục I bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm các tổ chức thẩm định giá tài sản (Ban hành kèm theo Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án) Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa đã tiến hành đánh giá, chấm điểm với kết quả lựa chọn như sau:

**I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN**

1. Tên, địa chỉ tổ chức thẩm định giá được lựa chọn: Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá Tây Nam Bộ-SIAC, địa chỉ: Số 64 Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Tổng số điểm của tổ chức thẩm định giá được lựa chọn: 90 điểm

3. Tổ chức thẩm định giá bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Công ty TNHH Quản lý và khai thác tài sản AMC.

**II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức thẩm định giá được lựa chọn, không được lựa chọn)**

STT	Nội dung	Tiêu chí lựa chọn	Điểm chuẩn	Công ty CP Thông tin và Thẩm định giá Tây Nam Bộ - SIAC	Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản AMC
	<b>TỔNG</b>		<b>100</b>	<b>90</b>	<b>78</b>
<b>I</b>	<b>Năng lực pháp lý</b>		<b>15</b>	<b>14</b>	<b>11</b>

1	Là Doanh nghiệp thẩm định giá được đăng ký hoạt động theo Luật doanh nghiệp và thuộc danh sách công bố của Bộ Tài chính đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tài sản	Có 02 chi nhánh trở lên	5		
		Chỉ có 01 chi nhánh	4	4	
		Không có chi nhánh	3		3
2	Doanh nghiệp có thẩm định viên hành nghề tại doanh nghiệp, được doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã hội và được Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề	Trên 07 thẩm định viên	5	5	
		Từ 05 đến 07 thẩm định viên	4		4
		Dưới 05 thẩm định viên	3		
3	Thời gian hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá	Trên 05 năm	5	5	
		Từ 03 đến 05 năm	5		
		Dưới 03 năm	4		4
<b>II</b>	<b>Năng lực kinh nghiệm (Tối đa 60 điểm)</b>		<b>60</b>	<b>57</b>	<b>48</b>
1	Hồ sơ đã thẩm định giá trong thời hạn 06 tháng gần nhất tương tự với tài sản kê biên, đã phát hành báo cáo thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá	Trên 30 hồ sơ	15		
		Từ 20 đến 30 hồ sơ	14		
		Dưới 20 hồ sơ	13	13	13
2	Mức độ tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thẩm định giá	Không bị xử phạt vi phạm hành chính	10	10	10
		Có kết luận vi phạm nhưng chưa đến mức bị xử phạt vi phạm hành chính	9		
		Bị xử phạt vi phạm nhưng đã chấp hành, khắc phục xong	8		
		Đang trong thời gian bị xử phạt vi phạm hành chính	0		
3	Thời gian cam kết báo cáo kết quả thẩm định giá, cấp chứng thư thẩm định giá	Trước 07 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá	5	5	5
		Từ 07 đến 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá	4		

		Trên 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá	3		
4	Thời gian cam kết giải trình khiếu nại, thắc mắc liên quan đến kết quả thẩm định giá	Tối đa 03 ngày làm việc, tính từ khi nhận được yêu cầu giải trình	10	<b>10</b>	10
		Từ 03 đến 05 ngày làm việc	9		
		Trên 05 ngày làm việc	8		
5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động thẩm định giá	Có phần mềm quản lý giá đang hoạt động, có thể trích xuất dữ liệu	10	<b>10</b>	10
		Không có phần mềm nhưng có hệ thống quản lý tập trung cơ sở dữ liệu	9		
		Không có phần mềm	0		
6	Kết quả đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá năm liền kề của doanh nghiệp thẩm định giá do Bộ Tài chính công bố	Từ 80 điểm trở lên	10		Không có tên trong danh sách (Theo TB số 187/TB-BTC ngày 22/02/2021 của Bộ Tài chính)
		Từ 70 đến 80 điểm	9	<b>9</b>	
		Từ 60 đến 70 điểm	8		
<b>III</b>	<b>Năng lực tài chính</b>		<b>15</b>	<b>9</b>	<b>9</b>
1	Có biểu giá dịch vụ cố định được ban hành công khai trên Website của Công ty		5	5	5
2	Có cam kết về biểu phí thẩm định giá theo các tiêu chí dưới đây	Thấp nhất trong các hồ sơ đã đăng ký	5		
		Thấp thứ 2	4	4	4
		Thấp thứ 3	3		
		Thấp thứ 4	2		
		Thấp thứ 5 trở đi	1		

3	Doanh thu bình quân từ dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp Thẩm định giá trên Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất	Trên 5 tỷ/năm	5	Hồ sơ năng lực không có tài liệu chứng minh	Hồ sơ năng lực không có tài liệu chứng minh
		Từ 03 đến 05 tỷ/ năm	4		
		Từ 01 đến 03 tỷ/ năm	3		
		Dưới 01 tỷ/ năm	2		
IV	<b>Tiêu chí khác</b> ( <i>Doanh nghiệp mới khởi nghiệp: vai trò đóng góp cho xã hội của doanh nghiệp; điều kiện đặc thù của địa phương</i> )		10	10	10

**Nơi nhận:**

- Công TTĐT Tổng cục THADS;
- Trang TTĐT Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các bên đương sự;
- Lưu VT, HSTHA.



**CHẤP HÀNH VIÊN**

**Cao Thị Nghinh Xuân**